

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ TẠI ASEAN SECURITIES

(Cập nhật ngày 10/01/2024)

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	HOSE	30	10,600
2	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	HOSE	50	23,650
3	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	30	10,950
4	ACG	CTCP Gỗ An Cường	HOSE	50	26,573
5	ACL	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	HOSE	20	13,300
6	AGG	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	10	22,945
7	AGR	CTCP Chứng khoán Agribank	HOSE	30	15,450
8	ANV	CTCP Nam Việt	HOSE	20	22,408
9	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	HOSE	30	11,800
10	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	10	13,308
11	BCG	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	HOSE	20	10,950
12	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	HOSE	40	67,000
13	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	HOSE	40	18,600
14	BIC	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	21,853
15	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	45,800
16	BMI	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	HOSE	50	28,250
17	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	HOSE	50	83,900
18	BSI	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	40	31,400
19	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	50	45,400
20	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	26,500
21	BWE	CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	HOSE	50	46,350
22	C32	CTCP CIC39	HOSE	20	18,800
23	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát triển Đô Thị Dầu khí Cửu Long	HOSE	20	8,100
24	CDC	CTCP Chương Dương	HOSE	20	14,445
25	CEO	CTCP Tập đoàn C.E.O	HNX	20	11,950
26	CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	HOSE	50	12,634
27	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	30	20,600
28	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	40	21,056
29	CMX	CTCP Camimex Group	HOSE	20	10,250
30	CNG	CTCP CNG Việt Nam	HOSE	50	15,266
31	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	HOSE	40	35,600
32	CTD	CTCP Xây dựng Cotecons	HOSE	30	59,500
33	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	HOSE	50	31,750
34	CTI	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	20	15,300
35	CTR	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	HOSE	50	72,744
36	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HOSE	40	21,838
37	D2D	CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	30	28,900
38	DBC	CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HOSE	30	24,900
39	DBD	CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)	HOSE	40	17,923
40	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	HOSE	50	32,500
41	DGC	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	HOSE	50	75,100

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
42	DGW	CTCP Thế Giới Số	HOSE	50	53,800
43	DHC	CTCP Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	39,900
44	DHG	CTCP Dược Hậu Giang	HOSE	50	113,900
45	DHT	CTCP Dược phẩm Hà Tây	HNX	40	11,513
46	DIG	Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	30	12,913
47	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	30	40,050
48	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	HOSE	50	35,600
49	DPR	CTCP Cao su Đồng Phú	HOSE	50	31,000
50	DRC	CTCP Cao su Đà Nẵng	HOSE	50	22,650
51	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	10	26,781
52	DVP	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	40	34,202
53	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	20	20,200
54	DXP	CTCP Cảng Đoạn Xá	HNX	40	12,000
55	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	23,600
56	ELC	CTCP công nghệ – viễn thông ELCOM	HOSE	20	16,550
57	EVE	CTCP Everpia	HOSE	40	16,400
58	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	HOSE	20	11,950
59	FCM	CTCP Khoáng sản FECON	HOSE	20	5,780
60	FCN	CTCP FECON	HOSE	30	15,700
61	FMC	CTCP Thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	31,445
62	FPT	CTCP FPT	HOSE	50	84,660
63	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	HOSE	40	28,620
64	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	HOSE	50	102,400
65	GEG	CTCP Điện Gia Lai	HOSE	30	14,000
66	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	HOSE	20	21,950
67	GMD	CTCP Gemadept	HOSE	50	55,500
68	GSP	CTCP Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc tế	HOSE	40	12,200
69	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	HOSE	50	19,800
70	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	31,500
71	HAX	CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	30	15,500
72	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	29,040
73	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	HOSE	50	16,445
74	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	HOSE	50	34,200
75	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	29,400
76	HHP	CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	HOSE	20	11,250
77	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HOSE	40	14,700
78	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	HOSE	50	26,300
79	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	HOSE	10	16,752
80	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	20	17,500
81	HUT	CTCP Tasco	HNX	20	11,141
82	IDC	Tổng Công ty IDICO – CTCP	HNX	40	30,000
83	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia – IDI	HOSE	30	12,550
84	IJC	CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HOSE	50	15,036
85	IMP	CTCP Dược phẩm Imexpharm	HOSE	50	29,136
86	ITC	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà	HOSE	50	11,210
87	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP	HOSE	30	31,650
88	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	HOSE	40	30,512
89	KDH	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	HOSE	40	34,500

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
90	KHG	CTCP Tập đoàn Khai Hoàn Land	HOSE	20	7,350
91	KSB	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HOSE	50	29,200
92	LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	30	12,000
93	LCG	CTCP Lizen	HOSE	30	12,750
94	LHG	CTCP Long Hậu	HOSE	20	26,750
95	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	HOSE	50	24,329
96	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	HOSE	30	14,173
97	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn	HOSE	30	12,350
98	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	HOSE	50	18,250
99	MBS	CTCP Chứng khoán MB	HNX	50	17,448
100	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	HOSE	50	17,900
101	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	HOSE	50	13,650
102	MSH	CTCP Máy Sông Hồng	HOSE	50	36,650
103	MSN	CTCP Tập đoàn Masan	HOSE	50	80,000
104	MWG	CTCP Đầu tư Thế giới Di động	HOSE	50	50,300
105	NAF	CTCP Nafoods Group	HOSE	10	16,760
106	NBB	CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy	HOSE	20	21,000
107	NBC	CTCP Than Núi Béo – Vinacomin	HNX	30	11,600
108	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	20	10,147
109	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	HOSE	20	15,050
110	NKG	CTCP Thép Nam Kim	HOSE	20	19,250
111	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	HOSE	30	37,000
112	NSC	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	40	73,700
113	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	50	27,600
114	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	HOSE	30	20,549
115	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	23,130
116	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	HOSE	50	18,500
117	PAN	CTCP Tập đoàn Pan	HOSE	50	21,050
118	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	20	12,688
119	PET	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HOSE	50	26,100
120	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP	HOSE	50	13,709
121	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP	HOSE	50	17,054
122	PHR	CTCP Cao su Phước Hòa	HOSE	50	48,350
123	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	HNX	40	34,600
124	PLX	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	HOSE	50	37,800
125	PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	78,000
126	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	HOSE	50	12,600
127	PSD	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	40	13,530
128	PTB	CTCP Phú Tài	HOSE	50	55,100
129	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	HNX	30	16,406
130	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	HNX	20	25,750
131	PVG	CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	20	9,800
132	PVI	CTCP PVI	HNX	50	35,844
133	PVS	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	31,968
134	PVT	Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	HOSE	50	21,950
135	RAL	CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HOSE	30	100,600
136	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	HOSE	50	77,440
137	S99	CTCP SCI	HNX	20	10,200

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
138	SAB	Tổng Công ty cổ phần Bía – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	HOSE	50	63,900
139	SBA	CTCP Sông Ba	HOSE	40	14,895
140	SBT	CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa	HOSE	50	14,080
141	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	40	67,300
142	SD5	CTCP Sông Đà 5	HNX	20	7,400
143	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	HOSE	50	11,880
144	SHI	CTCP Quốc tế Sơn Hà	HOSE	10	12,271
145	SJD	CTCP Thủy điện Cần Đơn	HOSE	20	13,576
146	SKG	CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	HOSE	20	13,911
147	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	HOSE	50	33,000
148	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	HOSE	50	32,000
149	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	22,170
150	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	HOSE	30	16,794
151	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	34,260
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	HOSE	50	33,800
153	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	20	13,000
154	TCL	CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	18,324
155	TCM	CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công	HOSE	30	48,000
156	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	HOSE	50	20,765
157	TDN	CTCP Than Đèo Nai – Vinacomin	HNX	20	10,200
158	THT	CTCP Than Hà Tu – Vinacomin	HNX	20	13,200
159	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	HNX	20	11,400
160	TIP	CTCP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	HOSE	40	21,200
161	TLG	CTCP Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	25,743
162	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	18,000
163	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	HOSE	50	18,800
164	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	HOSE	40	31,250
165	TTA	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	20	8,280
166	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2	HOSE	30	39,947
167	TVD	CTCP Than Vàng Danh – Vinacomin	HNX	30	14,400
168	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	87,000
169	VCG	Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	26,147
170	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	HOSE	50	29,880
171	VCS	CTCP Vicostone	HNX	50	60,300
172	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	HOSE	50	44,800
173	VGS	CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE	HNX	30	17,100
174	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	HOSE	50	72,500
175	VHM	CTCP Vinhomes	HOSE	50	55,400
176	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	20,130
177	VIC	Tập đoàn VINGROUP – CTCP	HOSE	50	55,000
178	VIP	CTCP Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	30	11,450
179	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	HOSE	20	12,606
180	VNC	Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	50	70,000
181	VND	CTCP Chứng khoán VNDirect	HOSE	30	18,000
182	VNE	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	HOSE	10	11,600
183	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	HOSE	50	90,420
184	VNR	Tổng Công ty cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	23,979
185	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	HOSE	20	16,750

TT	MÃ CP	TÊN CÔNG TY	SÀN	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
186	VOS	CTCP Vận tải biển Việt Nam	HOSE	20	11,250
187	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	HOSE	50	20,500
188	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	HOSE	10	18,282
189	VPI	CTCP Đầu tư Văn Phú – INVEST	HOSE	30	30,000
190	VRE	CTCP Vincom Retail	HOSE	50	30,140
191	VSC	CTCP Container Việt Nam	HOSE	50	28,750
192	VTO	CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco	HOSE	30	9,120